

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày: 20/01/2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản trên đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Long

Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh
Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11
năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

Do bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Toà án nhân
dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2046/2020/QĐ-PT ngày
28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; Chị Phạm Thị Hoài Th, sinh năm 1994. Chị Th ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, anh L có mặt, chị Th vắng mặt

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Dương Xuân H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Lê Tiến D, sinh năm: 1942; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Ông Trần Sỹ Q, sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Nguyễn H V, sinh năm: 1960; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Võ Mạnh H, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Lê Thanh Tr, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm: 1935; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- Ông Trần Văn S, sinh năm: 1937; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Duy Kh; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Ông Phan Văn T; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1975; Trú tại: Xóm 1, tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
- Anh Nguyễn Đại L, sinh năm: 1976; Trú tại: Xóm 1, tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1980; Trú tại: 4/4/245 Phạm Văn Đồng, xóm 2 L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.
- Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1982; Hiện đang tạm trú tại: Tổ 6, Ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.
- Anh Trần Văn Th; Đăng ký tạm trú: Xóm 1, tổ dân phố H, thị trấn Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn anh Nguyễn Văn L thay mặt vợ chồng anh L, chị Th trình bày: Giữa năm 2018, vợ chồng anh có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông, bà Dương Xuân H và Nguyễn Thị H1 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 26 địa chỉ tại: TDP Hữu Nghị, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trên phần đất này trước đó ông H, bà H1 có cho chị Nguyễn Thị Th H mượn tạm một mảnh đất có kích thước dài khoảng 5,7m, rộng khoảng 4,3m để làm quán tạm bán tạp hóa. Ông H, bà H1 cam kết sẽ nói chị H tháo dỡ quán để giao đất cho vợ chồng anh. Ngày 19/9/2018, vợ chồng anh được UBND huyện Bố Trạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng (thửa đất số 389, tờ bản đồ số 26). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng anh cải tạo đất làm vườn thì xảy ra tranh chấp, chị H không chịu tháo dỡ quán trả lại đất và còn nói năng xúc phạm tới gia đình anh. Sự việc được chính quyền thị trấn hòa giải nhưng không thành.

Vì vậy, vợ chồng anh khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Th H phải tháo dỡ quán tạm để trả lại diện tích đất lấn chiếm cho vợ chồng anh.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị Th H trình bày: Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp do bố mẹ chị khai hoang từ những năm 1980-1981. Gia đình chị sử dụng làm quán bán tạp hóa từ trước đến nay. Năm 2005, bố chị qua đời, ông H, bà H1 muốn lấy quán và không cho chị sửa lại quán nên đã xảy ra tranh chấp. Chính quyền đã yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng không được xây dựng. Năm 2009, khi cơ quan chức năng tiến hành đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H, bà H1 không nói gì với chị, tự ý đo hết đất quán của nhà chị. Năm 2019, ông H, bà H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hoài Th. Chị tưởng ông H, bà H1 chỉ chuyển nhượng quyền sử dụng đất vườn của họ thôi, không ngờ lại chuyển nhượng luôn diện tích đất chị đã dựng quán.

Quá trình sử dụng bố mẹ chị và chị không đăng ký với cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai. Hiện tại, chị không có bất kỳ loại giấy tờ liên quan đến diện tích đất nói trên ngoài giấy tờ nộp thuế môn bài do kinh doanh tạp hóa. Gia đình cũng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với nhà nước trên diện tích đất này. Khi bố mẹ chị để lại quyền sử dụng đất cho các anh, chị em của chị không lập giấy tờ hợp pháp theo quy định.

Trên diện tích đất đang tranh chấp hiện nay có xây dựng công trình quán tạm bằng cột bê tông, mái lợp Bia- rô- xi - măng, xung quanh thưng lưới và tôn, quán được làm vào thời gian năm 1989. Quá trình sử dụng có tu bổ thêm phần hư hỏng. Chi phí do chị bỏ ra nhưng do thời gian lâu quá chị không nhớ rõ, giá trị hiện nay chị không biết bao nhiêu. Tài sản này Thộc quyền sở hữu của chị và không liên quan đến người thân trong gia đình. Hiện nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị tháo dỡ để trả lại diện tích đất tranh chấp chị hoàn toàn không đồng ý.

Phía những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Cuối năm 1989, vợ chồng ông bà có đơn xin đất làm nhà ở có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường Việt Trung, đầu năm 1990 vợ chồng ông bà chuyển nhà từ trong khu dân cư lên vùng đất ở hiện nay. Cuối năm 1991 đội máy Nông trường về khai hoang tại đội Hữu Nghị và có san ủi vườn cho ông, bà.

Khoảng năm 1993 đến 1994, ông Nguyễn Tông N người cùng đơn vị ông H lên xin dựng chòi lá làm quán cắt tóc và vá xe đạp. Sau hơn một năm ông N nghỉ không làm và bỏ không quán. Năm 1995, chị H đang là học sinh lên xin ông bà mượn quán để bán bánh đa và được ông, bà chấp nhận. Việc thỏa thuận mượn quán chỉ bằng miệng, không lập giấy tờ, văn bản. Sau đó khoảng năm 1999-2000, chị H nghỉ học, sửa lại quán bán rau quả. Đến năm 2005 chị H đòi xây quán kiên cố nhưng ông bà không cho. Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường đã Ho giải, đình chỉ việc xây dựng. Năm 2018 vợ chồng ông bà đã chuyển nhượng một phần diện tích cho cháu Nguyễn Văn L, trong đó có diện tích quán của chị H đang sử dụng và đã được tách thửa, cháu L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà yêu cầu chị H tháo dỡ và di dời quán để trả đất cho cháu L. Ban đầu chị H đồng ý, nhưng sau đó chị H chây ì và không chịu di dời. Sự việc dẫn đến

tranh chấp và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường Việt Trung hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết buộc chị H phải tháo dỡ, di dời công trình quán tạm xây dựng trên đất ra khỏi đất đang tranh chấp để trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho vợ chồng cháu L.

Ý kiến của những người làm chứng cho phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tiến D, Trần Sỹ Q, Nguyễn H V, Võ Mạnh H và Lê Thanh Tr (có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày: Tại thời điểm ông H, bà H1 chuyển đến sinh sống tại thửa đất hiện nay thì chưa có nhà cửa, quán sá của bất kỳ người nào đã làm trước đó, toàn bộ là vùng đất trống. Năm 1994 vợ chồng ông H, Bà H1 có cho ông Nguyễn Tông N người mượn đất dựng chòi lá làm quán cắt tóc và vá xe đạp. Sau một thời gian thì ông N nghỉ không làm thì chị H mượn quán để bán hàng như ông H, bà H1 trình bày là đúng sự thật. Vậy đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Ý kiến của những người làm chứng cho phía bị đơn (không có xác nhận của chính quyền địa phương) trình bày: trên cơ sở đơn của chị H với nội dung như chị H đã nêu trên (ông Nguyễn Xuân S, Trần Văn S, Bùi Văn S, Nguyễn Duy K và Phạm Văn T) xác nhận nội dung đơn trình bày của chị H là đúng.

Kết quả làm việc, trả lời xác minh và hòa giải của chính quyền địa phương như sau:

Ngày 15/5/2018, ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 làm thủ tục tách thửa để chuyển nhượng một phần đất cho anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hoài Th, trong phần đất chuyển nhượng này có phần diện tích chị Nguyễn Thị Th H đang dựng quán tạm và bán hàng tạp hóa. Sau khi nhận được đề nghị xin tách thửa của ông H và bà H1, UBND thị trấn đã phối hợp với cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bồ Trạch thực hiện việc kiểm tra đo đạc. Trong quá trình kiểm tra đo đạc phần xin tách thửa của ông H và bà H1 để chuyển nhượng cho anh L, chị Th, cán bộ chuyển môn của UBND thị trấn và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bồ Trạch đã hỏi ông H, bà H1 về trường hợp có một quán tạp hóa làm trên diện tích đất này và ông H, bà H1 trình bày đất đó là gia đình cho chị H mượn làm quán tạm bán hàng, khi nào gia đình có nhu cầu sử dụng thì chị H trả lại đất. Tại thời điểm kiểm tra, đo đạc cũng có mặt chị H, nhưng chị H không có ý kiến gì. Nên việc tách thửa được thực hiện theo yêu cầu của công dân và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp, cụ thể như sau:

+ 01 quán bán hàng tạp hóa mái lợp Bia- rô- xi- măng, xung quanh vây tôn và gỗ tạm, nền láng xi măng có diện tích $6,5m \times 5,2m = 33,8m^2$

+ Diện tích đất $6,5m \times 5,2m = 33,8m^2$ nằm trên thửa đất số 389, tờ bản đồ số 26 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hoài Th, tứ cận:

Phía Bắc giáp đường giao thông có kích thước 5,2m

Phía Tây giáp đường giao thông có kích thước 6,5m

Phía Nam giáp và nằm trên diện tích đất tranh chấp có kích thước 5,2m
Phía Đông giáp và nằm trên diện tích đất đang tranh chấp có kích thước 6,5m

Kết quả định giá tài sản, cụ thể:

+ 01 quán bán hàng tạp hóa mái lợp Bia- rô- xi- măng, xung quanh vây tôn và gỗ tạm, nền láng xi măng có diện tích $6,5m \times 5,2m = 33,8m^2 \times 664.000\text{đồng}/m^2 = 22.443.200$ đồng.

+ Diện tích đất $6,5m \times 5,2m = 33,8m^2$ nằm trên thửa đất số 389, tờ bản đồ số 26 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hoài Th. Đất thuộc vị trí 1, đô thị loại 5 thuộc đường Hồ Chí Minh đến Trạm biến thế truyền thống có giá $210.000\text{đồng}/m^2 \times 33,8m^2 = 7.098.000$ đồng theo Quyết định số 40/2019/QĐ-UB ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và chị Phạm Thị Hoài Th buộc chị Nguyễn Thị Th H tháo dỡ và di dời quán (01 quán bán hàng tạp hóa mái lợp Bia- rô- xi- măng, xung quanh vây tôn và gỗ tạm, nền láng xi măng) làm trên diện tích đất tranh chấp để trả lại diện tích đất tranh chấp cho anh L, chị Th với diện tích $33,8m^2$, cụ thể:

- Phía Bắc giáp đường giao thông có kích thước 5,2m
- Phía Tây giáp đường giao thông có kích thước 6,5m
- Phía Nam giáp và nằm trên diện tích đất tranh chấp có kích thước 5,2m
- Phía Đông giáp và nằm trên diện tích đất đang tranh chấp có kích thước 6,5m

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 25/10/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị Th H có đơn kháng cáo với nội dung: Năm 1980 gia đình chị cùng một số gia đình ở các đội trong Nông trường được chuyển ra vùng đồi Hữu Nghị để sản xuất lương thực ngắn ngày. Năm 1989, bố chị H ra khai hoang được đám đất (hiện tại đang tranh chấp) để làm quán cho các anh chị em của chị H bán bánh tráng, đậu phụ cải thiện đời sống, sau này chuyển sang bán tạp hóa. Quá trình sử dụng năm 2005 có tranh chấp với ông H, bà H1 do ông bà cản trở việc gia đình chị H sửa quán. Năm 2009, bà H1 tự ý chỉ phần đất chị H đang làm quán là của bà nên UBND huyện Bố Trạch mới cấp phần đất làm quán trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1, ông H. Và năm 2018 ông H1 bà H lại chuyển nhượng một phần đất cho anh L, chị Th (bao gồm cả phần đất có quán của chị H). Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử lại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị. Ngày 18/01/2021, chị H nộp bổ sung kháng cáo và đơn xin trình bày ý kiến. Về nội dung vẫn khẳng định đất đang tranh chấp có nguồn gốc từ việc bố chị H khai hoang năm 1980 – 1981. Chị H còn cung cấp thêm thông tin về lời trình bày của ông Nguyễn Tông N về việc năm 1982 ông N có làm quán cắt tóc và vá xe đạp. Tại thời điểm đó ông N không biết đất đó là của ai, không có việc ông N mượn đất bà H1, ông H để làm quán.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện các hoạt động tố tụng đúng theo luật định.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th H không chấp nhận việc tháo dỡ quán để trả lại đất cho anh L, chị Th vì nguồn gốc đất do bố mẹ chị khai hoang từ năm 1980 – 1981, sử dụng ổn định từ đó đến nay, Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, chị H bị đơn – người kháng cáo- thừa nhận biết chủ trương của nhà nước thông báo cho người dân biết việc kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2009. Bản thân chị H cũng đã thay bố mẹ chị kê khai thửa đất của bố mẹ (cách thửa đất đang tranh chấp khoảng 100 mét) và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất chị làm quán, chị không kê khai để được cấp giấy chứng nhận. Chị H cũng thừa nhận năm 2005, khi chị tiến hành xây quán kiên cố thì gia đình ông H, bà H1 ra cản trở, giữa hai gia đình xảy ra tranh chấp, UBND thị trấn đã đình chỉ việc xây dựng. Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H1 năm 2009 tại thửa đất số 92, tờ bản đồ 26 tại Hữu Nghị, thị trấn Nông trường Việt Trung thấy nguồn gốc thửa đất do phục hóa năm 1990, hồ sơ đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Chị H cho rằng đất do bố mẹ chị khai hoang năm 1980 nhưng không đưa ra được chứng cứ về thời điểm sử dụng đất. Về lời khai của ông Nguyễn Tông N do chị H bổ sung trình bày ông đã từng sử dụng quán cắt tóc từ năm 1982, không mượn đất của ông H, mặc dù có mâu thuẫn với lời khai của ông H cho rằng đã cho ông N mượn đất làm quán nhưng không chứng minh được thời điểm sử dụng đất của gia đình chị H tại phần đất đang tranh chấp. Từ những cứ nêu trên cho thấy việc ông H trình bày cho chị H mượn đất là có cơ sở. Án sơ thẩm xử buộc chị H phải di dời quán trả lại phần đất đã mượn của ông H, bà H1 (sau này chuyển nhượng cho anh L, chị Th) là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 158, 164, 166, 175, 176, 186, 189, 190 và Điều 194 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 135, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000497 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trách.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/01/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

